

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *16*/2015/KSH/CV
V/v CBTT BCTC kiểm toán năm 2014

Hà Nội, ngày *09* tháng *04* năm 2015.

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tên tổ chức: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH

Mã chứng khoán: KSH

Địa chỉ: Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04 39364695

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Hoài Linh - Tổng Giám đốc

Loại thông tin công bố: định kỳ

Nội dung thông tin công bố: CBTT Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 ký ngày 30/03/2015.

Thông tin này đã được công bố trên website của công ty tại đường dẫn <http://hamico.vn/>

Chúng tôi xin cam kết thông tin trên là hoàn toàn đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Xin trân trọng cảm ơn!

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HOÀI LINH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đã được kiểm toán



MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 - 06
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	07 - 08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 như sau:

1. Thông tin chung về Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH (tiền thân là Xí nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phú Lý - doanh nghiệp Nhà nước) được thành lập theo Quyết định số 737/QĐ-UB ngày 30/8/2000 của UBND tỉnh Hà Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0700.189.368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06/01/2015 (đăng ký thay đổi lần thứ 14).

Trụ sở chính: Số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh là: **272.700.000.000** đồng (Hai trăm bảy mươi hai tỷ bảy trăm triệu đồng).

Vốn thực góp của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 là: **272.700.000.000** đồng (Hai trăm bảy mươi hai tỷ bảy trăm triệu đồng).

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Cơ cấu vốn thực góp của Công ty tại ngày 31/12/2014 như sau:

TT	Đối tượng góp vốn	Số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0,00%
2	Cổ đông khác	27.270.000	272.700.000.000	100,00%
Cộng tổng		27.270.000	272.700.000.000	100,00%

Hoạt động chính của Công ty: Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là khai thác, chế biến và bán bột đá; sản xuất và kinh doanh gạch tuynel, gia công và bán sắt; mua bán quặng.

2. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- ✓ Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác, chi tiết: Hoạt động thăm dò địa chất, khoáng sản;
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- ✓ Đại lý, môi giới, đấu giá, chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- ✓ Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bốc xếp hàng hóa;
- ✓ Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- ✓ Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, chi tiết: Sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép;
- ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- ✓ Chế biến đá, khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- ✓ Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- ✓ Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm);
- ✓ Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, đất sét;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

- ✓ Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác, hàng nội thất công trình;
- ✓ Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp; Mua bán thực phẩm, nông sản;
- ✓ Xây dựng công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp từ 35KV trở xuống; San lấp mặt bằng;
- ✓ Sản xuất, lắp ráp, mua bán: máy điều hòa nhiệt độ, thiết bị nội thất gia đình;
- ✓ Đầu tư xây dựng khu công viên văn hóa bao gồm có đủ các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí;
- ✓ Kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- ✓ Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng; Kinh doanh du lịch;
- ✓ Sản xuất kinh doanh và in mác nhãn vô bao, bao bì đóng gói;
- ✓ Sản xuất, chế biến, kinh doanh mua bán các loại khoáng chất, khoáng sản phục vụ cho các ngành: công nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, làm phân bón phục vụ nông nghiệp;
- ✓ Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và các hoạt động sản xuất, dịch vụ cho ngành luyện kim và chế tạo kim loại;
- ✓ Sản xuất máy móc thiết bị thông thường phục vụ dân sinh;
- ✓ Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.

3. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

4. Thành phần Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty

Các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 và đến ngày lập Báo cáo tài chính:

❖ Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 26/8/2014
Ông Nguyễn Văn Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/9/2014
Ông Tạ Anh Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/9/2014
Ông Nguyễn Ngọc Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/9/2014
Ông Trần Long Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/9/2014
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	Từ nhiệm ngày 26/8/2014
Ông Lê Trung Kiên	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 17/9/2014
Ông Vũ Minh Thành	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 17/9/2014
Ông Đặng Văn Lành	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 17/9/2014
Bà Đặng Thị Thu Phương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 17/9/2014

❖ Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thanh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 17/9/2014
Ông Phạm Đức Hoàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/9/2014
Bà Nguyễn Thị Phương Đông	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17/9/2014
Ông Hoàng Văn Chung	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 17/9/2014
Ông Đặng Quang Hoạt	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17/9/2014
Ông Lê Anh Chúc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17/9/2014

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH



Số: 140654/BCKT- AISHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KSH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH (sau đây viết tắt là "Công ty") được lập ngày 19 tháng 01 năm 2015, từ trang 07 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập, trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty đã thực hiện ghi nhận bổ sung một số nghiệp vụ của năm 2013 vào Báo cáo tài chính năm 2014 theo Biên bản thanh tra thuế ngày 08/5/2014 (kiểm tra kỳ tính thuế năm 2013). Cụ thể:

- Công ty đã kê khai bổ sung khoản doanh thu nội bộ số tiền đã có thuế giá trị gia tăng là 1.392.473.808 đồng nhưng chưa thực hiện xuất hóa đơn GTGT bổ sung (do năm 2013, Công ty đã thực hiện xuất hóa đơn tiêu dùng nội bộ để xây dựng nhà chứa lò nung và hầm sấy với giá thấp hơn giá bán của sản phẩm cùng loại tại cùng thời điểm tiêu thụ trên thị trường). Đồng thời, trong năm 2014 Công ty đã thực hiện thu số tiền trên của các cá nhân là Ban lãnh đạo Công ty, lãnh đạo phòng kế toán và trực tiếp người hạch toán kế toán theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 125/BB-HĐQT ngày 15/7/2014 mà không ghi tăng giá trị khoản đầu tư xây dựng cơ bản.



Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

- Năm 2014, Công ty ghi nhận bổ sung doanh thu và giá vốn tương ứng của hóa đơn số 1201 ngày 04/3/2013 với doanh thu là 1.238.600.000 đồng (chưa bao gồm VAT), giá vốn là 671.062.220 đồng và số lượng bán là 1.126.000 viên gạch đỏ đặc (do năm 2013 Công ty bỏ sót, không kê khai và ghi nhận doanh thu, giá vốn theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 08/5/2014 của Cục thuế tỉnh Hà Nam).

Việc chưa ghi nhận vào Báo cáo tài chính năm 2013 như trên sẽ ảnh hưởng đến tính hiện hữu của hàng tồn kho tại ngày 01/01/2014 và một số chỉ tiêu so sánh đầu kỳ trên báo cáo tài chính của kỳ kế toán 2014 (như chi tiêu hàng tồn kho, lợi nhuận chưa phân phối, phải thu khách hàng, thuế giá trị gia tăng còn phải nộp trên Bảng Cân đối kế toán và/hoặc các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh là doanh thu, giá vốn, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và một số chỉ tiêu liên quan khác). Đồng thời, chúng tôi không tham gia chứng kiến kiểm kê kho do Công ty không có kho và không có hàng tồn kho tại 31/12/2014.

Trong năm 2014, Công ty bán 3.958.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu (mã chứng khoán KSK) theo hợp đồng thỏa thuận cho 04 cá nhân (ông Nguyễn Tiến Dũng mua 650.000 cổ phần, ông Nguyễn Quang Dũng mua 650.000 cổ phần, ông Hoàng Văn Cồn mua 679.000 cổ phần và ông Vũ Minh Thành mua 1.979.000 cổ phần) và thu bằng tiền mặt (bán bằng mệnh giá), điều này chưa phù hợp quy định tại Điều 5, Nghị định 222/2013/NĐ-CP ngày 31/12/2013 của Chính phủ về việc thanh toán không dùng tiền mặt đối với giao dịch chuyển nhượng cổ phần.

Ngoài ra, nội dung hợp đồng bán số cổ phần trên có điều khoản “Bên B được phép sử dụng tài khoản chứng khoán, chỉ định cho Bên A thực hiện giao dịch và công bố thông tin. Lãi/ lỗ liên quan đến các giao dịch sau khi đã chuyển nhượng số cổ phần trên tài khoản chứng khoán do Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm”. Do đó, Công ty không ghi nhận toàn bộ số lỗ liên quan đến giao dịch bán 1.979.000 chứng khoán KSK theo chỉ định của ông Vũ Minh Thành ngày 22/9/2014 (lỗ 3.804.988.841 đồng, số dư tiền trên tài khoản chứng khoán tại ngày 31/12/2014 là 34.127 đồng). Và theo sao kê tài khoản chứng khoán của Công ty tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Nam, số lượng chứng khoán tại ngày 31/12/2014 là 1.979.000 chứng khoán KSK, số lượng chứng khoán này là sở hữu của các cá nhân là Ông Nguyễn Tiến Dũng, ông Nguyễn Quang Dũng, ông Hoàng Văn Cồn và Công ty chỉ thực hiện công bố thông tin theo quy định trong Hợp đồng chuyển nhượng. Đến ngày phát hành báo cáo kiểm toán này, toàn bộ số cổ phần trên đã được bán theo giao dịch khớp lệnh trên sàn chứng khoán theo chỉ định của các cá nhân trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH tại ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 27/3/2014.

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2015

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN &
DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Kiểm toán viên



Vũ Khánh Linh

Số giấy CNĐKHNT: 2355-2013-05-1
Bộ Tài chính Việt Nam cấp

Phó Giám đốc



Vũ Khắc Chuyên

Số giấy CNĐKHNT: 0160-2013-05-1
Bộ Tài chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 đ	01/01/2014 đ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		53.588.721.249	58.862.985.542
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.114.289.227	2.368.163.686
1. Tiền	111	V.1	3.114.289.227	2.368.163.686
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.964.308.505	15.902.231.046
1. Phải thu khách hàng	131		39.954.308.505	17.429.682.023
2. Trả trước cho người bán	132		10.010.000.000	196.454.000
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		0	(1.723.904.977)
IV. Hàng tồn kho	140		0	36.648.536.523
1. Hàng tồn kho	141	V.4	0	36.648.536.523
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		510.123.517	3.944.054.287
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		31.845.000	0
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		0	3.200.783.568
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	467.228.517	743.270.719
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		11.050.000	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		235.348.322.660	180.106.028.590
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		0	139.293.867.526
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	0	133.201.844.837
<i>Nguyên giá</i>	222		0	169.388.218.570
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		0	(36.186.373.733)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	0	12.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		0	48.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		0	(36.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	0	6.080.022.689
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	235.000.000.000	39.580.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	39.580.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		235.000.000.000	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		348.322.660	1.232.161.064
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	284.632.660	1.232.161.064
3. Tài sản dài hạn khác	268		63.690.000	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		288.937.043.909	238.969.014.132

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 đ	01/01/2014 đ
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.725.359.598	126.768.461.175
I. Nợ ngắn hạn	310		9.725.359.598	110.376.461.175
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	0	97.774.515.946
2. Phải trả người bán	312		9.545.944.107	10.730.038.805
3. Người mua trả tiền trước	313		0	403.012.159
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	97.389.127	106.000.000
5. Phải trả người lao động	315		0	732.031.200
6. Chi phí phải trả	316	V.17	68.636.364	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	13.390.000	0
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		0	630.863.065
II. Nợ dài hạn	330		0	16.392.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	0	16.392.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		279.211.684.311	112.200.552.957
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	279.211.684.311	112.200.552.957
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		272.700.000.000	116.900.000.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		6.511.684.311	(4.699.447.043)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		288.937.043.909	238.969.014.132

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2014

	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2014 (cổ phiếu)
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược Cổ phiếu nhận giữ hộ	003		1.979.000

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2015

Lập biểu


 Nguyễn Thị Hoa

Kế toán trưởng



Triệu Đức Trung

Tổng Giám đốc




Nguyễn Hoài Linh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 đ	Năm 2013 đ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	118.898.271.218	66.206.047.171
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	0	0
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	118.898.271.218	66.206.047.171
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	99.340.002.722	48.659.028.930
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.558.268.496	17.547.018.241
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	2.321.230	3.157.664
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	5.164.878.738	7.115.902.478
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.164.878.738	7.115.902.478
8. Chi phí bán hàng	24		2.445.383.176	3.888.958.117
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.639.568.979	3.479.658.316
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.310.758.833	3.065.656.994
11. Thu nhập khác	31		6.352.613.243	2.122.735.245
12. Chi phí khác	32	VIII.8	2.134.740.058	3.297.743.597
13. Lợi nhuận khác	40		4.217.873.185	(1.175.008.352)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.528.632.018	1.890.648.642
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.31	271.406.245	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.257.225.773	1.890.648.642
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.35	774,78	161,73

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoa

Kế toán trưởng

Triệu Đức Trung

Tổng Giám đốc
Nguyễn Hoài Linh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014 đ	Năm 2013 đ
I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	107.278.152.761	71.420.258.965
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(94.749.536.754)	(67.239.124.718)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.140.262.620)	(6.166.066.300)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(5.164.878.738)	(7.115.902.478)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.644.558)	0
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	25.773.123.604	4.524.781.432
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(29.852.849.633)	(1.347.462.479)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.857.895.938)	(5.923.515.578)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(5.000.000.000)	(17.673.072.900)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	0	800.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(235.000.000.000)	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	201.968.216.195	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.321.230	3.157.664
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động đầu tư	30	(38.029.462.575)	(16.869.915.236)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	155.800.000.000	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	222.577.095.820	150.106.570.742
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(336.743.611.766)	(125.094.679.478)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính	40	41.633.484.054	25.011.891.264
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	746.125.541	2.218.460.450
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.368.163.686	149.703.236
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.114.289.227	2.368.163.686

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hòa

Kế toán trưởng

Triệu Đức Trung



Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoài Linh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH (tiền thân là Xí nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phú Lý - doanh nghiệp Nhà nước) được thành lập theo Quyết định số 737/QĐ-UB ngày 30/8/2000 của UBND tỉnh Hà Nam về việc chuyển Xí nghiệp Thực phẩm công nghiệp Phú Lý thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam; đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 22/12/2007 (đăng ký thay đổi lần thứ 7) trên cơ sở sáp nhập hai công ty:

- Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Khoáng sản Hà Nam: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000216 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 18/11/2007 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Khoáng sản Hà Nam;
- Công ty Cổ phần Bao bì Phú Mỹ: Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0603000217 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 18/11/2007 được chuyển đổi từ Công ty TNHH Bao bì Phú Mỹ.

Tổng Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700.189.368 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 12/10/2009 (đăng ký thay đổi lần thứ 8) và được thay đổi lần thứ 10 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần ngày 05/3/2012.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 18/9/2014 (đăng ký thay đổi lần thứ 12).

Địa chỉ trụ sở chính: chuyển từ tổ 14, phường Quang Trung, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam về số 27, phố Hàng Bài, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16/10/2014 (đăng ký thay đổi lần thứ 13).

Ngày 06/01/2015, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần (đăng ký thay đổi lần thứ 14) tăng mức vốn điều lệ từ 116.900.000.000 đồng lên 272.700.000.000 đồng.

2. Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty tại 31/12/2014 là: **272.700.000.000** đồng (Hai trăm bảy mươi hai tỷ, bảy trăm triệu đồng). Cơ cấu vốn điều lệ:

TT	Đối tượng góp vốn	Số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0,00%
2	Cổ đông khác	27.270.000	272.700.000.000	100,00%
Cộng tổng		27.270.000	272.700.000.000	100,00%

3. Hoạt động chính của Công ty

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: khai thác, chế biến và bán bột đá; sản xuất và kinh doanh gạch tuynel, gia công và bán sắt; mua bán quặng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Khai thác quặng sắt; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác, chi tiết: Hoạt động thăm dò địa chất, khoáng sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Đại lý, môi giới, đấu giá, chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, chi tiết: Sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Chế biến đá, khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất, đất sét;
- Sản xuất các sản phẩm gốm sứ khác, hàng nội thất công trình;
- Trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp; Mua bán thực phẩm, nông sản;
- Xây dựng công trình: Dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp từ 35KV trở xuống; San lấp mặt bằng;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán: máy điều hòa nhiệt độ, thiết bị nội thất gia đình;
- Đầu tư xây dựng khu công viên văn hóa bao gồm có đủ các hoạt động thể thao, vui chơi, giải trí;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng; Kinh doanh du lịch;
- Sản xuất kinh doanh và in mác nhãn vỏ bao, bao bì đóng gói;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh mua bán các loại khoáng chất, khoáng sản phục vụ cho các ngành: công nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, làm phân bón phục vụ nông nghiệp;
- Sản xuất các sản phẩm khác bằng kim loại và các hoạt động sản xuất, dịch vụ cho ngành luyện kim và chế tạo kim loại;
- Sản xuất máy móc thiết bị thông thường phục vụ dân sinh;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (đ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các chính sách kế toán mới

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến ngày 31/12/2014 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (đ) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính quy định về việc "Ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp".

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác (tiếp theo)

Nguyên tắc lập dự phòng phải thu khó đòi: theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”; Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”; Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định*”.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con: khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết: được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác: Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn Công ty đang đầu tư vào các dự án hay đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn).

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc. Phương pháp giá gốc là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của các nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Nguyên tắc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính: Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*”; Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm: Các khoản bảo hiểm có kỳ hạn, công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45/2013/TT-BTC liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác (tiếp theo)

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ trong vòng 24 tháng. Riêng giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45/2013/TT-BTC được phân bổ trong vòng 3 năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí ước tính cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả. Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có số chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc tăng, giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: chi phí lãi tiền vay.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành 22%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009, cho mục đích thuyết minh trong các Báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và chi phí phải trả.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế GTGT: Công ty thực hiện hạch toán và kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	31/12/2014	01/01/2014
	đ	đ
Tiền mặt tại quỹ	50.008.688	48.051.037
Tiền gửi ngân hàng	3.064.280.539	2.320.112.649
+ Tiền gửi ngân hàng Đồng Việt Nam	3.064.280.539	2.320.112.649
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam	0	2.314.850.049
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Việt Nam - CN Hà Nội Quỹ tiết kiệm Lò Đức	5.316.200	5.262.600
- Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Thăng Long	1.499.100	0
- Ngân hàng TMCP An Bình - PGD Đình Tiên Hoàng	3.057.465.239	0
Cộng	3.114.289.227	2.368.163.686

4. Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
	đ	đ
Nguyên liệu, vật liệu	0	27.701.088.461
Công cụ, dụng cụ	0	376.954.325
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	0	121.589.600
Thành phẩm	0	8.349.813.220
Hàng hóa	0	99.090.917
Cộng	0	36.648.536.523

5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
	đ	đ
Thuế giá trị gia tăng	0	6.280.515
Thuế thu nhập doanh nghiệp	467.228.517	736.990.204
Cộng	467.228.517	743.270.719

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đ

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	119.920.789.370	28.102.160.695	19.791.319.978	1.573.948.527	169.388.218.570
Tăng do mua sắm	7.500.000.000	37.000.000	0	0	7.537.000.000
Tăng do phân loại lại	171.600.000	0	0	0	171.600.000
Giảm theo Thông tư 45	0	(2.015.717.127)	(90.000.000)	(87.500.000)	(2.193.217.127)
Thanh lý, nhượng bán	(2.457.555.135)	(1.213.415.554)	(160.000.000)	0	(3.830.970.689)
Giảm do phân loại lại	0	(171.600.000)	0	0	(171.600.000)
Giảm do góp vốn công ty con	(125.134.834.235)	(17.238.428.014)	(2.256.455.679)	0	(144.629.717.928)
Giảm do góp vốn Bắc Việt	0	(7.500.000.000)	(17.284.864.299)	(1.486.448.527)	(26.271.312.826)
Tại ngày 31/12/2014	0	0	0	0	0
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	16.656.825.388	9.916.317.216	8.951.640.181	661.590.948	36.186.373.733
Khấu hao trong kỳ	3.469.030.768	1.312.160.830	1.371.420.026	105.170.851	6.257.782.475
Tăng do phân loại lại	112.970.000	0	0	0	112.970.000
Giảm theo TT 45/TT-BTC	0	(1.302.127.205)	(90.000.000)	(58.931.312)	(1.451.058.517)
Thanh lý, nhượng bán	(743.480.198)	(1.021.204.233)	(97.333.313)	0	(1.862.017.744)
Giảm do phân loại lại	0	(112.970.000)	0	0	(112.970.000)
Giảm do góp vốn công ty con	(19.495.345.958)	(8.417.176.608)	(1.744.765.011)	0	(29.657.287.577)
Giảm do góp vốn Bắc Việt	0	(375.000.000)	(8.390.961.883)	(707.830.487)	(9.473.792.370)
Tại ngày 31/12/2014	0	0	0	0	0
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2014	103.263.963.982	18.185.843.479	10.839.679.797	912.357.579	133.201.844.837
Tại ngày 31/12/2014	0	0	0	0	0

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: đ

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2014	48.000.000	48.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(48.000.000)	(48.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	0	0
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2014	36.000.000	36.000.000
Khấu hao trong năm	12.000.000	12.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(48.000.000)	(48.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	0	0
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2014	12.000.000	12.000.000
Tại ngày 31/12/2014	0	0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014	01/01/2014
	đ	đ
Chi phí xây dựng nhà máy gạch Hamico I	0	6.080.022.689
Cộng	0	6.080.022.689

13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số cổ phần	Giá trị (đ)	Số cổ phần	Giá trị (đ)
Đầu tư vào Công ty liên kết	0	0	3.958.000	39.580.000.000
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu (mã chứng khoán: KSK)	0	0	3.958.000	39.580.000.000
Đầu tư dài hạn khác		235.000.000.000		0
Công ty CP Khoáng sản Tam Sơn (a)		115.000.000.000		0
Công ty TNHH Venergy (b)		120.000.000.000		0
Tổng	0	235.000.000.000	3.958.000	39.580.000.000

(a): Đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Tam Sơn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD ngày 29/8/2014 để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Khoáng sản Tam Sơn và Công ty Cổ phần VIDIFI Lào Cai về Dự án mở rộng nhà máy luyện kim màu Lào Cai công suất 10.000 tấn đồng/năm tại xã Bản Lầu, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai; thu hồi vàng, bạc và Axit Sunfuaric công suất 35.000 tấn/năm tại thôn Tà Lạt, xã Bản Lầu, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

(b): Đầu tư vào Công ty TNHH Venergy theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/HĐHTKD ngày 10/9/2014 để thực hiện Dự án đầu tư Nhà máy chế biến tiêu sạch xuất khẩu với diện tích 3,4 ha tại huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai, công suất 20.000 tấn/năm.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	đ	đ
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	284.632.660	681.855.299
Tiền đóng góp giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng cho Ban quản lý dự án cụm Trung tâm công nghiệp Nam Châu Sơn, Phủ Lý để được quyền thuê đất 50 năm	0	423.751.515
Bảo hiểm xe ô tô	0	42.600.000
Chi phí sửa chữa lớn xe ô tô	0	83.954.250
Cộng	284.632.660	1.232.161.064

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***15. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2014	01/01/2014
	đ	đ
Vay ngân hàng	0	41.989.515.946
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam</i>	0	41.989.515.946
Vay cá nhân	0	55.785.000.000
<i>Cù Đức Ngọc</i>	0	6.000.000.000
<i>Nguyễn Quang Hưng</i>	0	7.500.000.000
<i>Nguyễn Thị Mão</i>	0	5.500.000.000
<i>Nguyễn Thị Nhung</i>	0	8.335.000.000
<i>Nguyễn Văn Khôi</i>	0	7.000.000.000
<i>Phạm Hương Thảo</i>	0	6.450.000.000
<i>Trương Thị Xuyên</i>	0	6.000.000.000
<i>Tống Anh Cường</i>	0	9.000.000.000
Cộng	0	97.774.515.946

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
	đ	đ
Thuế giá trị gia tăng	97.389.127	0
Thuế tài nguyên	0	65.680.000
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	0	40.320.000
Cộng	97.389.127	106.000.000

17. Chi phí phải trả

	31/12/2014	01/01/2014
	đ	đ
Trích trước chi phí kiểm toán	68.636.364	0
Cộng	68.636.364	0

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	đ	đ
Bảo hiểm xã hội	10.712.000	0
Bảo hiểm y tế	1.854.000	0
Bảo hiểm thất nghiệp	824.000	0
Cộng	13.390.000	0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	đ	đ
Vay dài hạn		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nam	0	16.392.000.000
Cộng	0	16.392.000.000

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đ

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	116.900.000.000	(6.590.095.685)	110.309.904.315
Lãi trong năm trước	0	1.890.648.642	1.890.648.642
Số dư cuối năm trước	116.900.000.000	(4.699.447.043)	112.200.552.957
Số dư đầu năm nay			
Tăng vốn trong năm nay (*)	155.800.000.000	0	155.800.000.000
Lãi trong năm nay	0	11.257.225.773	11.257.225.773
Giảm khác (**)	0	(46.094.419)	(46.094.419)
Số dư cuối năm nay	272.700.000.000	6.511.684.311	279.211.684.311

(*) Theo báo cáo kiểm toán số 12/2014/BCKT-VĐT ngày 03/11/2014 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K về Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/10/2014, vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng trong kỳ là 5.800.000.000 đồng.

Chi tiết tăng vốn: thông qua chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư chiến lược theo Nghị quyết số 63/2014/KSH-NQ-HĐQT ngày 08/10/2014 của Hội đồng quản trị Công ty, số lượng cổ phiếu phát hành 580.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Theo báo cáo kiểm toán số 12/2014/BCKT-VĐT ngày 30/12/2014 của Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K về Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH từ ngày 01/11/2014 đến ngày 25/12/2014, vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng trong kỳ là 150.000.000.000 đồng.

Chi tiết tăng vốn: thông qua phát hành cổ phiếu chào bán cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty theo Nghị quyết số 66/2014/KSH-NQ-HĐQT ngày 27/10/2014 của Hội đồng quản trị Công ty, số lượng cổ phiếu phát hành 15.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu

(**) Giảm khác 46.094.419 đồng bao gồm các khoản phạt vi phạm hành chính theo Biên bản kiểm tra thuế ngày 08/5/2014 của Cục thuế tỉnh Hà Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2014	01/01/2014
	đ	đ
Vốn góp của các cổ đông	272.700.000.000	116.900.000.000
Cộng	272.700.000.000	116.900.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối

	Năm 2014	Năm 2013
	đ	đ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	116.900.000.000	116.900.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	155.800.000.000	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	272.700.000.000	116.900.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	0	0

đ. Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.270.000	11.690.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.270.000	11.690.000
+ Cổ phiếu phổ thông	27.270.000	11.690.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.270.000	11.690.000
+ Cổ phiếu phổ thông	27.270.000	11.690.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2014	Năm 2013
	đ	đ
25. Tổng doanh thu bán hàng, dịch vụ cung cấp	118.898.271.218	66.206.047.171
Doanh thu bán hàng hóa	69.105.339.418	22.322.480.650
Doanh thu bán thành phẩm	42.947.344.979	40.693.263.346
Doanh thu khác	6.845.586.821	3.190.303.175
26. Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2014 đ	Năm 2013 đ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	82.210.583.678	
Chi phí nhân công	5.412.557.420	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.269.782.515	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.157.181.111	
Chi phí bằng tiền khác	1.185.314.555	
Cộng	102.235.419.279	59.325.388.960

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 đ	Năm 2013 đ
Lợi nhuận kế toán sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	11.257.225.773	1.890.648.642
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.257.225.773	1.890.648.642
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.529.617	11.690.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	774,78	161,73

37. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

37.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 01/01/2014 và ngày 31/12/2014.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 01/01/2014 và ngày 31/12/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***37. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)*****Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
Đồng	+100	31.142.892
Đồng	-100	(31.142.892)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
Đồng	+200	(2.235.967.045)
Đồng	-200	2.235.967.045

Mức tăng / giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động không cao so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì Công ty không có ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính.

37.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***37. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)**

sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chủ yếu giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

37.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Nợ phải trả tài chính	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	đ	đ	đ
Tại ngày 31/12/2014			
Phải trả người bán	9.545.944.108	0	9.545.944.108
Chi phí phải trả	68.636.364	0	68.636.364
Cộng	9.614.580.472	0	9.614.580.472
Tại ngày 01/01/2014			
Các khoản vay	97.774.515.946	16.392.000.000	114.166.515.946
Phải trả người bán	10.730.038.805	0	10.730.038.805
Cộng	108.504.554.751	16.392.000.000	124.896.554.751

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thanh toán các khoản phải trả đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng.

38. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2014		01/01/2014		31/12/2014	01/01/2014
	Giá trị (đ)	Dự phòng (đ)	Giá trị (đ)	Dự phòng (đ)	Giá trị (đ)	Giá trị (đ)
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.114.289.226	0	2.368.163.686	0	3.114.289.226	2.368.163.686
Phải thu khách hàng	39.954.308.505	0	17.429.682.023	(1.677.450.977)	39.954.308.505	15.705.777.046
Đầu tư tài chính dài hạn	235.000.000.000	0	39.580.000.000	0	235.000.000.000	39.580.000.000
TỔNG CỘNG	278.068.597.731	0	59.377.845.709	(1.677.450.977)	278.068.597.731	57.700.394.732
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ	0	0	114.166.515.946	0	0	114.166.515.946
Phải trả người bán	9.545.944.108	0	10.730.038.805	0	9.545.944.108	10.730.038.805
Chi phí phải trả	68.636.364	0	0	0	68.636.364	0
TỔNG CỘNG	9.614.580.472	0	124.896.554.751	0	9.614.580.472	124.896.554.751

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, vay và nợ, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2014. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

48. Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

a) Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính:

- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu :

	Năm 2014	Năm 2013
	đ	đ
Cần trừ khoản vay ngắn hạn thành vốn góp	30.000.000.000	0
Cộng	30.000.000.000	0

b) Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo: không phát sinh.

c) Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: không phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 mà chưa được thuyết minh trong báo cáo này.

3. Thông tin về các bên liên quan**Công ty liên kết**

Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu.

Địa chỉ: tổ 4, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0700382548 ngày 03/8/2009.

Vốn điều lệ: 156.880.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi sáu tỷ, tám trăm tám mươi triệu đồng chẵn*).

Giá trị vốn góp của Công ty lũy kế đến thời điểm 17/9/2014 là: 39.580.000.000 đồng (*Ba mươi chín tỷ, năm trăm tám mươi triệu đồng chẵn*) chiếm tỷ lệ 25,23%.

Tại thời điểm 31/12/2014, Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu không còn là bên liên quan của Công ty.

Trong kỳ giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến 17/9/2014 giao dịch chủ yếu phát sinh với Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu là thanh toán công nợ mua bán sắt, thép.

Các giao dịch với Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu:

Đơn vị tính: đ

Nội dung	Số dư tại 01/01/2014	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư tại 17/9/2014
Phải thu khách hàng	30.000.000	30.000.000	60.000.000	0

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển KSH đã thông qua nghị quyết số 59B/2014/NQ-HĐQT ngày 25/9/2014 về việc chuyển nhượng 100% vốn góp tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu. Tổng giá trị chuyển nhượng là 39.580.000.000 đồng.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty

Giao dịch trong năm 2014 với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc công ty là tiền lương phát sinh trong kỳ.

Đơn vị tính: đ

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư tại 31/12/2014
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Lương	475.878.333	0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Hoạt động chính của Công ty là khai thác, chế biến và bán bột đá; sản xuất và bán gạch; gia công và bán sắt; mua bán quặng,... Công ty không có chi nhánh nào nên chỉ trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh.

Đơn vị tính: đ

TT	Chỉ tiêu	Khai thác, chế biến và bán bột đá	Sản xuất và bán gạch	Gia công và bán sắt, thép	Mua bán quặng	Hoạt động khác	Tổng cộng
1.	Doanh thu thuần	13.562.589.875	29.384.755.104	31.660.744.550	35.404.592.868	8.885.588.821	118.898.271.218
-	Doanh thu thuần từ bán hàng bán ra bên ngoài	13.562.589.875	29.384.755.104	31.660.744.550	35.404.592.868	8.885.588.821	118.898.271.218
2.	Chi phí	9.538.718.776	17.589.837.437	33.829.602.538	36.203.814.202	9.262.981.924	106.424.954.877
-	Giá vốn	8.730.546.383	15.838.848.277	31.942.990.916	34.094.112.825	8.733.504.321	99.340.002.722
-	Chi phí phân bổ	808.172.393	1.750.989.160	1.886.611.622	2.109.701.377	529.477.603	7.084.952.155
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.023.871.099	11.794.917.667	(2.168.857.988)	(799.221.334)	(377.393.103)	12.473.316.341
4.	Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	859.736.974	1.862.709.163	2.006.984.872	2.244.308.632	563.260.359	7.537.000.000
5.	Tài sản bộ phận	32.958.718.290	71.408.475.403	76.939.402.436	86.037.402.389	21.593.045.391	288.937.043.909
6.	Tài sản không phân bổ	0	0	0	0	0	0
	Tổng tài sản	32.958.718.290	71.408.475.403	76.939.402.436	86.037.402.389	21.593.045.391	288.937.043.909
7.	Nợ phải trả bộ phận	1.109.360.651	2.403.544.704	2.589.710.706	2.895.941.157	726.802.380	9.725.359.598
8.	Nợ phải trả không phân bổ	0	0	0	0	0	0
	Tổng nợ phải trả	1.109.360.651	2.403.544.704	2.589.710.706	2.895.941.157	726.802.380	9.725.359.598

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2014 trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam. Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2014 được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu kỳ này như sau:

Mã số	Tên chỉ tiêu	Tại ngày 01/01/2014 (đ)		
		Trước phân loại	Sau phân loại	Chênh lệch
311	Vay và nợ ngắn hạn	100.990.515.946	97.774.515.946	(3.216.000.000)
334	Vay và nợ dài hạn	13.176.000.000	16.392.000.000	3.216.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. Thông tin so sánh (tiếp theo)


Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/2/2013 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam.

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu


Nguyễn Thị Hòa

Kế toán trưởng


Triệu Đức Trung

Tổng Giám đốc




Nguyễn Hoài Linh